



**SO SÁNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**

STT	Điều lệ hiện tại		Điều lệ sửa đổi, bổ sung		Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều	Nội dung	Điều	Nội dung	
1	Điểm a Khoản 1 Điều 1	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;	Điểm a Khoản 1 Điều 1	a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ này	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
2		Không có	Điểm b Khoản 1 Điều 1	b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Khoản 33 Điều 4 Luật DN và Điều lệ mẫu
3	Điểm b Khoản 1 Điều 1	b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Điểm c Khoản 1 Điều 1	c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 07 năm 2020;	Ban hành văn bản pháp luật mới
4		Không có	Điểm f Khoản 1 Điều 1	f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;	Khoản 22 Điều 4 Luật DN, Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

5	Điểm e Khoản 1 Điều 1	e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán	Điểm g Khoản 1 Điều 1	g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019
6	Điểm f Khoản 1 Điều 1	f. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này	Điểm h Khoản 1 Điều 1	h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
7		Không có	Điểm k, l, m Khoản 1 Điều 1	k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
8	Khoản 1, Khoản 2 Điều 6	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội	Điều 6	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia . Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư,	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

9	Khoản 4 Điều 7	<p>đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>pháp luật chuyên ngành liên quan.</p> <p>4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
---	-------------------	--	--	--------------------------------------



10	Khoản 2 Điều 9	<p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có);</p>	Khoản 2 Điều 9	<p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p>	Khoản 1 Điều 121 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
11	Khoản 3 Điều 9	<p>3. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	Khoản 3 Điều 9	<p>3. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số phần không phải trả cho Công ty</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

12	Khoản 4 Điều 9	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Khoản 4, Khoản 5 Điều 9	chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. 5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
13	Khoản 8 Điều 10	8. Thu hồi cổ phần	Khoản 8 Điều 10	8. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
14	Khoản 1 Điều 12	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty		Bỏ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
15	Điểm a Khoản 2	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện	Điểm a Khoản 1	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu	Điều lệ mẫu Thông tư

116/2020	<p>quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết</p>	<p>Điều 12</p>	<p>quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>
<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>	<p>c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình; g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty</p>	<p>Điều 12</p> <p>Điểm c, d, đ, g Khoản 1 Điều 12</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật</p>	<p>Không có</p>
<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>	<p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu</p>	<p>Điểm i, k, l</p>	<p>17</p>

18	Khoản 3 Điều 12	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	Khoản 1 Điều 12	<p>các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	Khoản 2 Điều 115 Luật DN
19	Điểm c Khoản 3 Điều 12	<p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng 	Điểm a Khoản 2 Điều 12	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp</p>	Bổ sung đầy đủ quy định khi chiếu theo quy định tại Luật DN

	<p>quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>		<p>Điểm b Khoản 3 Điều 12</p>
	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 12</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 12</p>	<p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật</p>
<p>20</p>	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 12</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 12</p>	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>

21	Điểm c Khoản 3 Điều 12	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra</p>	Điểm c Khoản 2 Điều 12	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	Điểm c Khoản 2 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
22	Không có		Điểm d Khoản 2 Điều 12	<p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
23	Điểm a Khoản 3	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong</p>	Khoản 3	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có</p>	Khoản 5 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông

<p>Điều 12</p>	<p>thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 3 Điều 32 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 12</p>	<p>quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cử đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>tư 116/2020</p>
<p>Điều 12</p>	<p>Đã quy định tại Điều 16 của Điều lệ Công ty về nội dung ủy quyền</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ</p>
<p>Điều 5 Khoản 5 Điều 12</p>	<p>5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu</p>			
<p>24</p>				

		<p>của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông;</p> <p>b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và đăng ký cổ đông tại Công ty;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;</p> <p>e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</p>	Khoản 1 Điều 13			Khoản 1 Điều 13	Khoản 1 Điều 13
25	Khoản 1 Điều 13	<p>1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	Khoản 1 Điều 13	<p>1. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>		Khoản 3, 4 Điều 119 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	Khoản 3 Điều 144 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
26	Khoản 2 Điều 13	<p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</p>	Khoản 2 Điều 13	<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc</p>		Khoản 3 Điều 144 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	Khoản 3 Điều 144 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

		<p>Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>hợp; b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	
27	Khoản 3 Điều 13	<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p>	Khoản 3, Khoản 4 Điều 13	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

28	Khoản 4 Điều 13	4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần	Khoản 5 Điều 13	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119 Luật DN
29	Khoản 1, Khoản 2 Điều 14	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ</p>	Khoản 1 Điều 14	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Khoản 1, 2 Điều 139 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

30	Khoản 3 Điều 14	<p>đồng được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm</p>	Khoản 2 Điều 14	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	Khoản 4 Điều 273 ND 155/2020/NĐ-CP; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
31	Điểm d Khoản 4 Điều 14	<p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền</p>	Điểm d Khoản 3 Điều 14	<p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

	hạn của mình;	Điểm c Khoản 5 Điều 14	<p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định</p>	Điểm c Khoản 4 Điều 14	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định</p>	Bổ sung theo Điều 4 Luật DN
32	Không có	Điểm d Khoản 4 Điều 14	<p>d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p>	Điểm d Khoản 4 Điều 14	<p>d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
33	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 15	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	Khoản 1 Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p>	Sửa đổi và bổ sung theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
34						

35	Khoản 2 Điều 15	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Khoản 2 Điều 15	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
36	Điểm e, m, n Khoản 2 Điều 15	e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;	Điểm h, l, m Khoản 2 Điều 15	h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	Điểm k Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
37	Không có	Không có	Điểm p, Điểm q Khoản 2 Điều 15	p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
38	Không có	Không có	Khoản 4 Điều 15	4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất.	Khoản 2 Điều 272 ND 155/2020

		<p>Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện</p>		<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
39	<p>Khoản 1 Điều 16</p>	<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Khoản 1 Điều 16</p> <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	
40	<p>Khoản 2, Khoản 3 Điều 16</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ</p>	<p>Khoản 2 Điều 144 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, số tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi</p>	

41	Điểm a Khoản 2 Điều 17	<p>ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Điểm a Khoản 2 Điều 17	<p>đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Khoản 1 Điều 141 Luật DN 2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
			Điểm a Khoản 2 Điều 17	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền</p>	

		<p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>		<p>tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020</p>
<p>42</p>	<p>Khoản 3 Điều 17</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu</p>	<p>Khoản 3 Điều 17</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc</p>	<p>Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020</p>

	<p>liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>		<p>chuyên đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p>Khoản 2 Điều 142 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
43	<p>Khoản 4 Điều 17</p>	<p>Khoản 4 Điều 17</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú,</p>	

			vào chương trình họp.			
44	Điểm b Khoản 5 Điều 17	Điểm b Khoản 5 Điều 17	<p>quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</p>	<p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	
45	Khoản 7 Điều 17		7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bỏ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	
46	Khoản 1 Điều 18	Khoản 1 Điều 18	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp	
47	Khoản 1 Điều 19	Khoản 1 Điều 19	1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	Khoản 1 Điều 146 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	
48	Khoản 4	Khoản 2	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm	Khoản 2 Điều 146 Luật	

Điều 19	<p>các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Điều 19	<p>phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	DN
Điều 19	<p>Chủ tọa cử người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>			



49	Khoản 7, Khoản 9 Điều 19	7. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: ...	Khoản 4, Điều 19	4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. ...	Khoản 4 Điều 146 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
50	Khoản 11 Điều 19	11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 10 Điều 19	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
51		Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua <i>Các Khoản tại Điều 20 được sửa lại theo quy định tại Điều 148 Luật DN</i>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
52	Khoản 2 Điều 21	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại	Khoản 2 Điều 21	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội	Khoản 2 Điều 149 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông

53	Điểm a Khoản 3 Điều 21	<p>hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp</p>	Điểm a Khoản 3 Điều 21	<p>đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo ngợi quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p>	tur 116/2020
		<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc</p>	Điểm a Khoản 3 Điều 21	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết</p>	Khoản 3 Điều 149 Luật DN

		họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông		của cổ đông	
54	Điểm g Khoản 3 Điều 21	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điểm g Khoản 3 Điều 21	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điểm g Khoản 3 Điều 149 Luật DN
55	Khoản 5 Điều 21	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh e. Các quyết định đã được thông qua g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu	Khoản 5 Điều 21	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	Khoản 5 Điều 149 Luật DN
56	Điểm h Khoản 1	h. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương	Điểm h Khoản 1	h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng	Điểm h Khoản 1 Điều 150 Luật DN

57	<p>Điều 22</p> <p>Điểm i Khoản 1 Điều 22</p>	<p>Điểm 22</p> <p>Điểm i Khoản 1 Điều 22</p>	<p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật DN</p>
58	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 22</p>	<p>Khoản 4 Điều 22</p>	<p>3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>Khoản 6 Điều 160 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
59	<p>Điểm d, e, f, g</p>	<p>Điểm d, e, f, g</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>
			<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 274 Nghị định 155/2020</p>

Khoản 5 Điều 24	<p>d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>g. Các thông tin khác (nếu có).</p>	Khoản 1 Điều 24	<p>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
60	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:</p>	Khoản 2 Điều 24	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:</p>	Khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
61	Không có	Khoản 4 Điều 24	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
62	Không có	Khoản 1 Điều 25	<p>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty</p>	Khoản 2 Điều 154 Luật DN

63		Không có		Khoản 3 Điều 25	không quá 02 nhiệm kỳ liên tục ... Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
64	Điểm a Khoản 2 Điều 24	2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp dưới đây:	Điểm a Khoản 4 Điều 25	Sửa lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp	
65	Khoản 6 Điều 24	6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rớt loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có	Khoản 5 Điều 25	5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	



		<p>sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>			
66	Khoản 9 Điều 24	9. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty khác	Khoản 8 Điều 25	8. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác	Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
67	Khoản 1 Điều 25	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 26	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
68	Khoản 2, Khoản 3 Điều 25		Khoản 2 Điều 26	<p>Sửa đổi, bổ sung các điều tại Khoản 2 Điều 26 theo quy định tại Luật DN và Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>	Khoản 2 Điều 153 Luật DN

69	Khoản 4 Điều 25	4. Hàng năm, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. ...	Khoản 3 Điều 26	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
70	Khoản 7 Điều 25	7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	Khoản 4 Điều 26	4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	Khoản 3 Điều 153 Luật DN
71	Khoản 1 Điều 26	Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không	Khoản 1, Khoản 2	Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

	<p>tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông không quyết định mức thù lao cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thì khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p>	<p>Điều 27</p>	<p>cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p>72</p>	<p>Khoản 3 Điều 26</p> <p>3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 27</p>	<p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
<p>73</p>	<p>Không có</p>	<p>Khoản 6 Điều 27</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>

74	Khoản 1 Điều 27	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc trong Công ty	Khoản 1 Điều 28	<p>liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc trong Công ty</p>	Khoản 1 Điều 156 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
75	Khoản 3 Điều 27	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số	Khoản 4 Điều 28	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các</p>	Khoản 4 Điều 156 Luật DN

			Thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị		Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
76	Khoản 4, Khoản 5 Điều 27	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	Khoản 5 Điều 28	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
77	Điều 28		Sửa đổi các khoản theo quy định	Khoản 2 Điều 29	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
78		Không có	<p>Điều 29. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Điều 30. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị</p>	Điều 29	Điều 281 ND 155/2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
79	Điều 30	Không có	<p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p>	Khoản 1 Điều 33	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
80	Khoản 2 Điều 30	<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham</p>	<p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty</p>	Khoản 3, Khoản 4 Điều 33	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

	Khảo ý kiến của Giám đốc.		theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	DN có xem xét bỏ quy định này không vì đây là quy định thêm trong Điều lệ Công ty
81	Điểm d Khoản 4 Điều 31	4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc như sau: d. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;	Bỏ	Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật DN
81	Không có	Điểm e Khoản 4 Điều 34	4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc như sau: e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;	Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật DN
82		Điều 35	Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
83	Khoản 1, Khoản 6 Điều 32	Khoản 1 Điều 36	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

84	Khoản 6 Điều 32	<p>6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;</p> <p>c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong</p>	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 36</p>	<p>Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	Điều 174 Luật DN
	<p>6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các</p>	<p>6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các</p>	<p>Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	Điều 174 Luật DN	



85	Khoản 2 Điều 32	vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát ra quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; d. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét việc bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế; f. Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.	<p>trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Thành viên đó vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	Khoản 2 Điều 168 Luật DN 2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
	Khoản 1, Khoản 2 Điều 37	2. ... Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.	1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc	

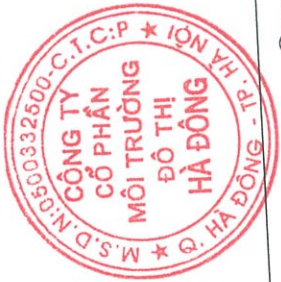
			chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	
86	Khoản 1 Điều 33	Điều 33. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau đây: ...	Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Điều 170 Luật DN, Điều 288 Nghị định 150/2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
87		Không có	Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
88	Điều 34	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
89	Khoản 1 Điều 35	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh	Khoản 1 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều lệ mẫu Thông tư

116/2020	nghịệp và các văn bản pháp luật liên quan.		
Sửa đổi các Khoản tại Điều 41 theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020		<p>mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	Khoản 1 Điều 37
Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 43</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra

				cứu số sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	
91	Khoản 1 Điều 42	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	Khoản 1 Điều 48	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
92	Điều 43	Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Điều 49	Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý Sửa nội dung theo quy định tại Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
93	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 45	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán theo đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. 2. Công ty kiểm toán độc lập, kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phải phản ánh các khoản thu chi	Khoản 1, Khoản 2 Điều 51	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

		<p>của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
<p>94</p> <p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 46</p>	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 52</p>	<p>1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật. Con dấu Công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp; c. Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; <p>2. Công ty chỉ có 01 (một) con dấu doanh nghiệp.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) theo quy định của pháp luật. Con dấu Công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp; c. Tên tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.
<p>95</p> <p>Khoản 1 Điều 47</p>	<p>Khoản 1 Điều 53</p>	<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 47. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm</p>	<p>Điều 207 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
	<p>XVIII. GIẢI THỂ</p> <p>Điều 53. Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p>		

	<p>dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện hoặc không có lợi. b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	
96	Sửa đổi các Điều, khoản dẫn chiếu tới các văn bản pháp lý liên quan trong Điều lệ		



**SO SÁNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**

STT	Quy chế hiện tại		Quy chế sửa đổi, bổ sung		Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều	Nội dung	Điều	Nội dung	
1	Điều 1	<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành khác của Công ty.</p>	Điều 1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</p>	Quy chế mẫu được ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
2	Điều a Khoản 1 Điều 2	a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:		Bỏ	Nghị định 155/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP không còn quy định

3	Điểm b Khoản 1 Điều 2	<p>c. "Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>"18. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty."</p>	Điểm b Khoản 1 Điều 2	<p>"Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>"24. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty."</p>	Sửa theo Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
4	Điểm g Khoản 1 Điều 2	<p>1. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</p>	Điểm g Khoản 1 Điều 2	<p>1. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</p>	Sửa theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán
5	Không có		<p>Điều 3, Điều 4, Điều 8, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15</p>	<p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ</p>	Bổ sung theo Quy chế mẫu

	<p>đồng:</p> <p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:</p> <p>5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>8. Điều kiện tiến hành:</p> <p>9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ</p>
--	---

		<p>cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</p>	<p>Sửa theo khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>
6	<p>Khoản 3 Điều 3</p>	<p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 2 Điều 4</p>
7	<p>Khoản 2 Điều 3</p>	<p>2. Hội đồng quản trị Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 4</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là tám (08) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời thực hiện công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đăng website Công ty theo quy định.</p> <p>Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quy định về 08 ngày làm việc</p>
8	<p>Khoản 2 Điều 4</p>	<p>Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điểm b Khoản 4 Điều 4</p> <p>4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ</p> <p>Sửa theo khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp, Quy chế mẫu</p>

		<p>phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p>	<p>đồng trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)...</p>		
9	Điểm d khoản 3 Điều 4	d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;	Điểm b Khoản 4 Điều 4	Bộ	Sửa theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp
10	Không có	Không có	Điểm a, Điểm b Khoản 7 Điều 4	7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty. b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:	Bổ sung, Khoản 3 Điều 144 Luật DN

		Sửa theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp	
11	Khoản 1 Điều 5	<p>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ... Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>d. ... Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>
12	Khoản 1 Điều 6	<p>1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p>	<p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, một phiếu bầu cử (nếu có phát sinh) và/hoặc một phiếu biểu quyết được in và đóng dấu treo của Công ty; trên đó ghi rõ số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết. Chủ tọa đề</p>

	<p style="text-align: center;">xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.</p>	
13	Khoản 1, Khoản 2 Điều 8	Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu 1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu đối với từng vấn đề. 2. Đối với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu phải gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
	Điểm a Khoản 13 Điều 4	13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: a. Sau khi Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo Chủ tọa về kết quả, Chủ tọa/ Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.
14	Điểm i Khoản 3 Điều 10	i. Chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Điểm a Khoản 15 Điều 4
	Sửa theo Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật DN	- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trưởng hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối

		ký biên bản họp.		Điều lệ Công ty
15	Khoản 1, Khoản 2 Điều 11	Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Công ty thực hiện công bố thông tin trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định.	Khoản 16 Điều 4	16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
16	Khoản 1 Điều 12	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ quy định tại Khoản 9 Điều 4 Quy chế này	Khoản 1 Điều 5	Sửa theo Khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
17	Khoản 8 Điều 12	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Không có	Điểm g Khoản 2 Điều 5	g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Khoản 4 Điều 148 Luật DN
18	Không có	Khoản 4 Điều 8	4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:	Quy chế mẫu, Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020

19	Khoản 1 Điều 14	1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:	Khoản 3 Điều 9	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:	Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
20	Điều 16	Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Khoản 5 Điều 9	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:	Sửa nội dung theo Điều 160 Luật DN
21	Điều 18	Không có	Điều b, c, d Khoản 7 Điều 9	... b. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng cử viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng cử viên nhằm đảm bảo các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo các tiêu chí sau: - Số lượng ứng cử viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng cử viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Điểm b Khoản	Bổ sung

	<p>7 Điều này;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng cử viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng cử viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. d. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 	<p>Quy chế mẫu, Khoản 7 Điều 157 Luật DN</p>
22	<p>Không có</p>	<p>Khoản 4 Điều 11</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
23	<p>Khoản 1 Điều 22</p>	<p>Điều a Khoản 7 Điều 11</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng</p>
		<p>Khoản 12 Điều 157 Luật DN</p>

	<p>quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phân đối ngang bằng nhau, phiếu bầu nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>		<p>hợp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phân đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>
24	<p>CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>		<p>CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC</p>
25	<p>CHƯƠNG VIII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</p>	<p>Điểm a Khoản 4 Điều 18</p>	<p>- Nhận được thông báo khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc từ cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp;</p>
			<p>Khoản 1 Điều 166 Luật DN</p>

